TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **301**/2022/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 21 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị H**, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Ph, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn H1**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Ph, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Hoàng Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 31/8/2021 cho chị Triệu Thị H và anh Hoàng Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thu Ph, sinh ngày 04/10/2021 cho anh Hoàng Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thu Ph cho đến khi cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/ tháng (một triệu đồng trên một tháng), thời gian cấp

dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022 trở đi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng (mỗi tháng một lần).

Chị Triệu Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi anh Hoàng Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Triệu Thị H chậm nộp thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005712 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Triệu Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh Hoàng Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến